

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
TỈNH PT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-8-2020  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH PT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng**  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thành Lâm**  
Ông **Đỗ Minh Thân**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993.

ĐKKHKT: Khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh PT.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1995;

ĐKKHKT: Khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh PT.

Chỗ ở: Khu 8, xã N, huyện L, tỉnh PT. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị A ngày 16/01/2018, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TT, tỉnh PT, việc kết hôn là tự nguyện. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về suy nghĩ và lối sống. Đến tháng 7 năm 2019, Chị A đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị tại khu 8, xã N, huyện L, tỉnh PT để ở, và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị A.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 21/3/2018, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu B, không yêu cầu chị Nguyễn Thị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh T xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Nguyễn Thị A đến làm việc và thông báo cho chị A đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên chị A đều vắng mặt không đến mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*Trong biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Quốc Hưng và bà Nguyễn Thị Thu – bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị A trình bày:*

Chị A và anh T kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn, chị A chuyển hộ khẩu về nhà anh T tại khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh PT. Quá trình chung sống giữa chị A và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến tháng 7 năm 2019, chị A và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng và chị A đã về nhà ông bà để sinh sống và đi làm. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị A, ông bà đều nhận thay và cam đoan giao cho chị A. Ông bà cho biết: Quan điểm của chị A thông qua ông bà là chị A đồng ý ly hôn với anh T. Chị A và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 21/3/2018 hiện đang ở với anh T tại khu 5, xã Đ. Do chị A bận công việc và điều kiện chăm sóc không tốt như anh T. Gia đình cùng chị A đề nghị giao con chung là cháu B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, khi nào chị A có điều kiện thì sẽ đề nghị thay đổi quyền nuôi con sau. Còn về tài sản chung, công nợ: Chị A và anh T không có tài sản chung, công nợ chung.

Trong biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị Thanh – mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T trình bày: Chị A và anh T đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Đ. Anh T, chị A chung sống với vợ chồng bà khoảng hơn 1 năm thì chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị A tại khu 8, xã N, huyện L để ở. Giữa chị A và anh T phát sinh mâu thuẫn vì lý do vợ chồng không tin tưởng nhau. Chị A và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 21/3/2018, hiện đang ở cùng với anh T và chung nhà với vợ chồng bà. Cháu B được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng khỏe mạnh từ khi sinh ra đến nay, còn chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ khi cháu B chưa cai sữa (khoảng 15 tháng tuổi). Bà đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù cháu B hiện vẫn còn nhỏ, thiếu sự quan tâm của mẹ. Anh T và gia đình bà sẽ dành nhiều tình cảm và tạo điều kiện tốt nhất để cháu khôn lớn, trưởng thành. Hiện cháu gần 28 tháng tuổi, tình trạng sức khỏe của cháu tốt, sắp tới ông bà và anh T sẽ cho cháu học trường mẫu giáo xã Đ để cháu hòa nhập và được học hành, khôn lớn.

*Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã và Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ, xác định:*

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị A kết hôn với nhau ngày

16/01/2018 và Đăng ký tại UBND xã Đ, huyện TT, tỉnh PT. Vợ chồng anh T và chị A đã có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 21/3/2018. Anh T, chị A, cháu B đều đăng ký hộ khẩu tại: Khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh PT (chung hộ khẩu trong hộ ông Nguyễn Văn Nghĩa là bố anh Nguyễn Văn T). Quá trình vợ chồng chung sống giữa anh T và chị A sau khi đăng ký kết hôn: Ban đầu thì hòa hợp nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay, anh T và chị A đã ly thân, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị A để ở. Còn cháu Nguyễn Minh B hiện đang sống cùng với anh T tại khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh PT. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa Chị A, anh T theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh T được ly hôn chị A; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu B thành niên; chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục Tố tụng:**

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị A về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị A đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên chị A đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả thể hiện chị A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu 5, xã Đ, huyện TT, tỉnh PT và hiện đang sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ tại khu 8, xã N, huyện L, tỉnh PT. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

#### **2. Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T kết hôn với Chị Nguyễn Thị A vào ngày 16/01/2018, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện TT, tỉnh PT. Đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị A, anh T đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng

nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thực tế chung sống, Chị A đã về sinh sống với bố mẹ đẻ tại khu 10, xã Đ từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị A.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị A là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị A, anh T có một con chung là cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 21/3/2018, hiện đang ở cùng anh T, anh T đề nghị, khi ly hôn anh xin được nuôi cháu B. Xét thấy đề nghị của anh T là chính đáng, do vậy cần giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu B đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh T không yêu cầu. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện TT, tỉnh PT phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh B, sinh ngày 21/3/2018 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 12/8/2020 cho đến khi cháu B thành niên.

Chị Nguyễn Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001739 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh PT.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng**